

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 07-4-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hánh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị N, sinh năm 1976; có đơn xin vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố G, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1975; có mặt.

Cư trú tại: khu phố A, phường O, thị xã Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh L chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã O, huyện Trảng Bàng (nay là phường O, thị xã Trảng Bàng). Sau khi cưới, vợ chồng về xây nhà trên đất của cha mẹ chị để sinh sống. Đến tháng 6-2020, vợ chồng về xây nhà trên phần đất của cha mẹ anh L tại khu phố A, phường

O đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vào năm 2018, chị đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh L vì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình. Sau khi Tòa án thụ lý, vợ chồng đã hòa giải nên chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, khi vợ chồng về chung sống với nhau thì vợ chồng càng ngày càng có nhiều mâu thuẫn chủ yếu về tiền bạc, kinh tế gia đình. Ngoài ra, anh L có tính tình nóng nảy, thường nghi ngờ, ghen tuông vô cớ và đánh chị, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề, không còn hạnh phúc. Vào tháng 3-2021, khi chị đang đi làm về thì anh L tiếp tục ghen tuông và đánh chị một bạt tay nên chị đã về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng đã ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh L.

Về con chung: vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thanh E, sinh ngày 08-11-2004. Cháu T và cháu E hiện đang rất khỏe mạnh và phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị đồng ý giao cháu E cho anh L được nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh thống nhất lời khai của chị N về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn và nơi chung sống sau khi kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Từ khoảng tháng 3-2021, chị N thường xuyên đi làm vắng nhà và về trễ mà không thông báo cho anh biết, không tôn trọng anh. Tình cờ anh phát hiện chị N đi chung với một người đàn ông khác nên trong lúc nóng giận, anh có đánh chị N 01 bạt tay và chị N bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Từ khi chị N về nhà mẹ ruột thì anh có nhiều lần yêu cầu đoàn tụ, cha mẹ hai bên có hòa giải nhưng chị N vẫn không đồng ý về chung sống cùng với anh. Trước đây chị N đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh vì tại thời điểm này, vợ chồng anh đều còn trẻ và có nhiều mâu thuẫn về kinh tế tiền bạc gia đình nhưng sau khi Tòa án hòa giải thì vợ chồng quay lại chung sống với nhau đến nay, không có mâu thuẫn nghiêm trọng. Tại phiên tòa, anh đồng ý ly hôn chị N vì anh và gia đình anh đã nhiều lần yêu cầu chị N hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng chị N vẫn không đồng ý đoàn tụ.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thanh E, sinh ngày 08-11-2004. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu E, không yêu cầu chị N cấp

dưỡng nuôi con. Cháu T hiện đang sống cùng chị N, cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Văn L. Chị N được ly hôn anh L.

Về con chung: cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Thanh E, sinh ngày 08-11-2004 cho anh L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh L chung sống với nhau năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường O, thị xã Trảng Bàng. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ, chồng đã phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia

đình, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không còn lòng tin đối với nhau và đã tự ly thân từ tháng 3-2021 đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn anh L.

Từ khi vợ chồng ly thân, anh L thường xuyên đặt vấn đề đoàn tụ cùng chị N nhưng chị N không đồng ý. Mặt khác, vào năm 2018, chị N đã từng nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn anh L, sau đó chị N đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, chung sống lại với nhau nhưng sau khi đoàn tụ thì giữa vợ chồng chị N, anh L lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống hòa hợp với nhau nên chị N tiếp tục khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn anh L, cho thấy đời sống hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ giữa chị N và anh L đã không còn. Tại phiên tòa, anh L cũng đồng ý ly hôn chị N. Xét thấy, chị N và anh L tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị N vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh L, cho chị N được ly hôn anh L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Chị N và anh L có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000 và cháu Nguyễn Thanh E, sinh ngày 08-11-2004. Khi ly hôn, cháu T đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng; cháu E hiện đang theo sống cùng anh L và anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu E. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng đồng ý giao cháu E cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu E cho anh L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí:

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị N đối với anh Nguyễn Văn L.

Chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao cháu Nguyễn Thanh E, sinh ngày 08-11-2004 cho anh Nguyễn Văn L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh L không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: chị Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015261 ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị N có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường O;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư